TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 505/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 8 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị P, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đinh Thị P trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị P và anh Lê Văn P kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 đăng ký ngày 15 tháng 4 năm 1998). Sau cưới chị về gia đình anh P ăn ở tại thôn H, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P rượu chè, thường hay ngược đãi, xúc phạm vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tham gia hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh P.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 11 tháng 5 năm 2017, bị đơn là anh Lê Văn P trình bày: Công nhận lời trình bày của chị P về điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị P thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi làm xa không quan tâm tới chồng con và thuê nhà ở riêng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị P xin ly hôn thì anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị P.

2. Về con chung:

Chị P trình bày chị và anh P có hai con chung tên là Lê Văn C sinh ngày 26/6/1993 và Lê Văn B sinh ngày 20/01/2000. Con tên C hiện đã trưởng thành, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi con tên B. Về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh P công nhận vợ chồng có hai con chung như chị P trình bày và lời trình bày của chị P về con chung là đúng. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của con, căn cứ pháp luật giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị P tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị P và anh P thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung gồm 01 nhà hai tầng và công trình phụ trên diện tích đất 75m^2, khi ly hôn để tự giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh P đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 đăng ký ngày 15 tháng 4 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của các đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn anh P.

[3]. Về con chung: Chị P và anh P có hai con chung tên là Lê Văn C sinh ngày 26/6/1993 và Lê Văn B sinh ngày 20/01/2000. Con tên C hiện đã thành niên, khỏe mạnh và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Việc giao con tên B cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, chị P đang trực tiếp nuôi con, khi ly hôn chị P đề nghị được tiếp tục nuôi con, mặt khác con có nguyện vọng được ở với chị P, anh P tôn trọng nguyện vọng của con. Do vậy, cần giao con tên B cho chị P trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh P đều đề nghị để tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị P và anh P có tài sản chung, để tự giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83

của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị P được ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị P trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Văn B sinh ngày 20 năm 01 năm 2000 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000863 ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T, HP;
- Chi cục THADS huyện T, HP;
- UBND xã T, huyện T, HP (cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã